

HOÀNG HẬU TỔNG THỊ LAN NHÌN TỪ DIỄN NGÔN LỊCH SỬ ĐẾN DIỄN NGÔN VĂN HỌC (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỪ DỤ THÁI HẬU CỦA TRẦN THÙY MAI)

Vũ Thị Hạnh^{*1}, Bùi Linh Huệ² và Phạm Thị Vân Huyền³

Trường Đại học Khoa học, Thái Nguyên, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Vũ Thị Hạnh, e-mail: hanhvt@tnus.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/3/2026. Ngày sửa bài: 21/4/2026. Ngày nhận đăng: 25/4/2026.

Tóm tắt. Hoàng hậu Tống Thị Lan là vị hoàng hậu đầu tiên gắn liền với sự mở đầu của vương triều nhà Nguyễn và trở thành đối tượng thẩm mỹ trong nhiều tác phẩm văn học. Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết diễn ngôn của Michel Foucault để xem xét hình tượng hoàng hậu Tống Thị Lan trong sự đối sánh giữa diễn ngôn lịch sử và văn học (nghiên cứu trường hợp *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai). Hoàng hậu được xem xét như một “điểm tụ” của quyền lực mà ở đó – diễn ngôn lịch sử và diễn ngôn văn học thực hành theo những phương thức khác nhau. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: trong khi diễn ngôn lịch sử vận hành như một cơ chế hợp thức hóa tri thức về nữ giới trong không gian quyền lực cung đình thì diễn ngôn văn học lại tái phân phối quyền phát ngôn đồng thời định vị và khôi phục những tri thức về chủ thể nữ bị che khuất trong lịch sử. Trên cơ sở đó, nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến thân phận nữ giới trong chế độ xã hội quân chủ đã được đặt ra. Hướng nghiên cứu này cũng góp phần khẳng định khả năng ứng dụng lý thuyết diễn ngôn của M. Foucault trong việc nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.

Từ khóa: diễn ngôn lịch sử, diễn ngôn văn học, quyền lực/ tri thức, *Từ Dụ thái hậu*.

EMPRESS TÓNG THỊ LAN FROM HISTORICAL DISCOURSE TO LITERARY DISCOURSE: A CASE STUDY OF *EMPRESS DOWAGER TỪ DỤ* BY TRẦN THÙY MAI

Vu Thi Hanh^{*1}, Bui Linh Hue² và Pham Thi Van Huyen³

Thai Nguyen University of Sciences, Thai Nguyen, Viet Nam

*Corresponding author: Vu Thi Hanh, e-mail: hanhvt@tnus.edu.vn

Received March 10, 2026. Revised April 21, 2026. Accepted April 25, 2026.

Abstract. Empress Tống Thị Lan was the first empress associated with the founding of the Nguyễn dynasty and she has been represented in numerous literary works. This study employs Michel Foucault’s discourse theory to examine the representation of Empress Tống Thị Lan through a comparison of historical and literary discourses (with Trần Thùy Mai’s *Empress Dowager Từ Dụ* as a case study). The empress is approached as a “convergence point” of power in which historical discourse and literary discourse operate through different mechanisms. The research findings indicate that, while historical discourse functions as a mechanism for legitimising knowledge about women within the court power structure, literary discourse redistributes discursive authority, repositioning and restoring knowledge about the female subject that has been obscured in history. On this basis, several important issues concerning the position of women under the monarchical social system are brought into focus. This study also demonstrates the applicability of Foucault’s discourse theory to the study of contemporary Vietnamese historical novels.

Keywords: historical discourse, literary discourse, power/knowledge, *Empress Dowager Từ Dụ*.

1. Mở đầu

Trên thế giới, sự xuất hiện liên tiếp những công trình nghiên cứu từ lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault đã khẳng định đây là một hướng nghiên cứu triển vọng, được duy trì ổn định với những công cụ và thao tác nghiên cứu chuyên biệt (Antzus, 2024; Apriyani & Rosly, 2024; Ismael & Saleh, 2023; Khalaf & M. Saeed, 2023; Raoufzadeh et al., 2020; Universitas Islam Lamongan et al., 2022; Yasif & Mijanur, 2021). Trong những công trình này, những từ khóa then chốt như power – knowledge (quyền lực - tri thức), discourse (diễn ngôn), resistance (sự kháng cự), exclusion (sự loại trừ), feminism (chủ nghĩa nữ quyền)... trong lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault được vận dụng như “bộ công cụ chuyên biệt” để nghiên cứu cơ chế quyền lực tham dự vào việc kiến tạo tri thức, hình thành những chuẩn mực, kiểm soát diễn ngôn và vị thế của những chủ thể khác nhau trong văn bản. Không dừng lại ở những công trình nghiên cứu chủ yếu ở góc độ ngôn ngữ (AbdullaAlmaarroof, 2022), một số công trình đã hướng đến xem xét các vấn đề quan trọng xoay quanh mối quan hệ song đôi giữa quyền lực/bất lực, sự khuất phục/sự phản kháng/ sự loại trừ... (Apriyani & Rosly, 2024; Khalaf & Saeed, 2023; Universitas Islam Lamongan, 2022). Đặc biệt, một số công trình nghiên cứu đã đặt nữ giới vào trung tâm của mối quan hệ quyền lực ấy để xem xét những vấn đề liên quan trực tiếp đến thân phận nữ giới trong những bối cảnh văn hóa, lịch sử khác nhau (Ismael & Saleh, 2023; Raoufzadeh, 2020; Yasif & Mijanur, 2021). Với bộ công cụ này, lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault không chỉ cung cấp khung tham chiếu quan trọng trong nghiên cứu văn học mà còn được mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác như lịch sử, văn hóa, đạo đức, triết học... Đáng chú ý trong số đó là luận án tiến sĩ của Anne Beryl Ryan (Anne, 2014). Trong công trình, Anne Beryl Ryan đã vận dụng lí thuyết của M. Foucault để chỉ ra rằng euthanasia (an tử - cái chết êm ái) không chỉ là một vấn đề y tế hay pháp lí đơn thuần, mà là một sản phẩm được kiến tạo thông qua các diễn ngôn xã hội phức tạp. Công trình là một minh chứng cho chúng ta thấy khả năng ứng dụng rộng rãi của lí thuyết diễn ngôn trong việc xem xét những vấn đề thuộc những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Trên thế giới, lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault đã được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực nhưng tên tuổi của vị triết gia này cùng lí thuyết của ông vẫn còn khá mới ở Việt Nam. Nói đúng hơn, lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault mới chỉ thực sự được giới thiệu ở Việt Nam trong vài năm trở lại đây với số lượng những công trình nghiên cứu còn khá khiêm tốn (Gary, 2017; Michel, 2024b, 2024a; Phạm, 2025; Sara, 2021; Trần, 2024). Tác giả Phạm Xuân Thạch đã nhấn mạnh về “sự xuất hiện rất bất thường, ít nhất, bởi khá muộn” của những công trình nghiên cứu về lí thuyết diễn ngôn này ở Việt Nam: “Quan sát những chủ đề của lí luận văn học nghệ thuật [...] thì có thể thấy, ở Việt Nam, người ta đã nói đến hậu hiện đại, đến giải cấu trúc, và sau đó, đến diễn ngôn từ đầu thế kỷ 21. Cả chục đầu sách mang tính dẫn nhập về giải cấu trúc và Foucault đã được dịch và xuất bản. Thậm chí, có thể nói, “con số” phân tích diễn ngôn đã qua đi. Nhưng phải đến tận bây giờ, việc tiếp nhận Foucault mới bước vào một “phase” mới, có chiều sâu và thực chất hơn” (Phạm, 2025, tr.135). “Một “phase” mới có chiều sâu” theo quan điểm của tác giả – đó là sự xuất hiện của những công trình dẫn nhập có tính hệ thống (Michel, 2024a, 2024b; Sara, 2021) và đặc biệt là sự xuất hiện của chuyên khảo *Văn học như một diễn ngôn – lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam* (Trần, 2024). Với chuyên khảo trên, Trần Văn Toàn đã góp phần tạo nên một chiều sâu mới cho tiếp nhận lí thuyết và ứng dụng lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam.

Bên cạnh những công trình trên, một số nghiên cứu về vấn đề diễn ngôn trong các tác phẩm văn học khác (Huỳnh, 2025; Lê, 2023), đặc biệt là những nghiên cứu diễn ngôn về giới nữ trong văn học (bao gồm tiểu thuyết lịch sử) đã được thực hiện (Nguyễn, 2018; Nguyễn, 2017; Thái, 2016b; Vũ, 2025). Điều này xuất phát từ một thực tế là với các nhà văn nữ “việc viết tự sự hư cấu về lịch sử, tự nó, là một sự “khác”, nếu đặt trong những hệ đề tài mà các tác giả nữ thường quan tâm. Với hàng loạt tiểu thuyết, truyện ngắn lịch sử của các nhà văn nữ, lịch sử đã được diễn giải từ cái nhìn của nữ giới” (Thái, 2016a). Mặc dù trong tiểu thuyết lịch sử được viết bởi các nhà văn

nam cũng có đề cập đến người phụ nữ nhưng “đường như chỉ ở tác phẩm của các nhà văn nữ, phụ nữ mới trở thành nhân vật trung tâm, là tâm điểm để nhận diện và lí giải lịch sử từ những góc nhìn khác, gắn liền với đặc trưng của giới”(Thái, 2016a). Với những ý nghĩa như vậy, việc nghiên cứu diễn ngôn về Hoàng hậu Tống Thị Lan trong góc nhìn đối sánh giữa tư liệu lịch sử và tiểu thuyết *Từ Dụ thái hậu* (Trần, 2019b, 2019a) của Trần Thùy Mai chính là một sự tiếp nối, bổ sung thêm cho những nghiên cứu về tiểu thuyết lịch sử từ lí thuyết diễn ngôn ở Việt Nam.

2. Lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và những công cụ ứng dụng khi phân tích diễn ngôn về Hoàng hậu Tống Thị Lan

M. Foucault cắt nghĩa nội hàm khái niệm diễn ngôn (discourse) từ nhiều góc độ: (1) các yếu tố tạo lập diễn ngôn (cái gì khiến cho đối tượng diễn ngôn xuất hiện và cơ chế quyền lực (sự phê duyệt của dư luận, pháp luật, nhà nước...) xác định giới hạn, đặt tên, thiết lập cho các diễn ngôn được lưu truyền; (2) các yếu tố “hạn chế diễn ngôn hoặc áp đặt những hình thức nhất định lên diễn ngôn hoặc buộc diễn ngôn, trong những hoàn cảnh nhất định, phải phát biểu những điều nhất định” (Trần, 2024, tr.70); (3) diễn ngôn “như một thực hành được kiểm soát giữ vai trò kiến tạo nên một tập hợp các nhận định” (Trần, 2024, tr.78).

Tên cơ sở phân tích nội hàm các khái niệm diễn ngôn theo quan điểm của M. Foucault, trong nghiên cứu này, người viết ứng dụng quy tắc tạo lập diễn ngôn như một công cụ phân tích quan trọng nhằm khảo sát cách hình tượng hoàng hậu Tống Thị Lan được kiến tạo trong những trường diễn ngôn khác nhau. Điều này xuất phát từ quan niệm cho rằng diễn ngôn là “một thực hành được kiểm soát” nên việc tạo lập diễn ngôn phải tuân theo những quy tắc nhất định. Những quy tắc đó là sự hệ thống hóa những yếu tố chi phối đến việc tạo lập diễn ngôn như: cơ chế quyền lực/ tri thức nào làm nền cho những phát ngôn ấy? Ai được quyền phát ngôn? Điều gì được phép phát ngôn? Điều gì bị loại trừ? Người phát ngôn xuất phát từ vị thế nào? Yếu tố nào chi phối đến cái được phát ngôn và cái bị loại trừ? Thẩm quyền về sự phân định trong mỗi loại văn bản đã chi phối đến việc tạo lập diễn ngôn như thế nào?

Bên cạnh quy tắc tạo lập diễn ngôn, M. Foucault cũng đặt ra vấn đề xem xét mối quan hệ giữa tri thức/ quyền lực và chế độ khả tín trong diễn ngôn. Đây cũng là một công cụ quan trọng có thể ứng dụng khi phân tích những trường diễn ngôn khác nhau về cùng một đối tượng: hoàng hậu Tống Thị Lan. Điều này giúp lí giải vì sao diễn ngôn văn học lại chất vấn/ định giá lại diễn ngôn lịch sử - diễn ngôn vốn từng được xem như là chân lí.

Ứng dụng lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault, trong công trình này, người viết xem xét quy tắc tạo lập diễn ngôn về hình tượng hoàng hậu Tống Thị Lan đồng thời đặt hình tượng Hoàng hậu trong điểm giao cắt giữa diễn ngôn – tri thức – quyền lực để từ đó khẳng định: diễn ngôn về hoàng hậu Tống Thị Lan bị chi phối/ kiểm soát bởi những khung quyền lực/ tri thức khác nhau từ đó có những diễn giải khác nhau. Chính sự khác nhau ấy cho chúng ta góc nhìn sâu sắc hơn về thân phận nữ giới trong đời sông hậu cung cũng như chính trường nhà Nguyễn.

3. Hoàng hậu Tống Thị Lan nhìn từ diễn ngôn lịch sử đến diễn ngôn văn học

Giống như bao vị vua khác, vua Gia Long (Nguyễn Ánh) có nhiều vợ. Trong số đó, ba người vợ có tước vị cao nhất lần lượt là hoàng hậu Tống Thị Lan – mẹ của hoàng tử Cảnh, Nhị phi Trần Thị Đang – mẹ của vua Minh Mạng và Tam phi Lê Thị Ngọc Bình – nguyên là hoàng hậu của nhà Tây Sơn. Trong số ba bà vợ, hoàng hậu Tống Thị Lan là người có ảnh hưởng lớn nhất đến triều đình nhà Nguyễn trong những ngày đầu thành lập. Bởi thế, bà cũng là người được sử sách triều Nguyễn ghi chép nhiều nhất. Bà là hiện thân mẫu mực của người phụ nữ theo chuẩn Nho giáo: hiền thực, đức hạnh. Năm bà 18 tuổi, Nguyễn Ánh đã đem phẩm vật đến cưới về làm vợ và tấn phong làm nguyên phi. Cuộc đời bà trải qua nhiều gian truân vất vả, thậm chí cả những mất mát, đau đớn: bà đã đồng hành cùng Nguyễn Ánh trong những ngày gây dựng vương nghiệp; bà

phải trao con trai mình là hoàng tử Cảnh cho Đa Bá Lộc đưa về Pháp để làm tin khi hoàng tử mới 4 tuổi; tuổi trẻ cùng chồng long đong lận đận chốn bưng biền, hoặc một mình lẻ bóng chăm sóc Quốc mẫu và con thơ... Tuy nhiên, nỗi đau và sự mất mát lớn nhất trong cuộc đời bà có lẽ là cả hai hoàng tử do bà sinh ra đều mất sớm. Bà trở thành hoàng hậu không con.

Năm mươi tư năm cuộc đời song hành cùng lịch sử đất nước đầy biến động, hoàng hậu Tổng Thị Lan đã trở thành đối tượng ghi chép quan trọng trong chính sử triều Nguyễn. Cuộc đời bà cũng trở thành một đối tượng thâm mi được khai thác trong những tác phẩm văn chương. Nghiên cứu này chỉ chọn những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời bà (đặc biệt là sự kiện bà mất) như một nút giao cắt giữa diễn ngôn lịch sử và văn học về bà. Xoay quanh điểm giao cắt này, diễn ngôn về bà đã soi tỏ cơ chế quyền lực vận hành và kiểm soát nhằm sản xuất/ duy trì tri thức gắn liền với thân phận nữ giới trong chế độ xã hội quân chủ.

3.1. Hoàng hậu Tổng Thị Lan nhìn từ diễn ngôn lịch sử

Việc Nguyễn Ánh đánh đổ nhà Tây Sơn, đăng quang và lấy niên hiệu Gia Long (năm 1802) đã mở ra trang sử đầu tiên của nhà Nguyễn – triều đại quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng, ngay khi vương triều mới thành lập, nhà Nguyễn đã đặt ra nhu cầu kiến tạo và chuẩn hóa một trật tự tri thức mới nhằm bảo vệ và củng cố quyền lực theo quan điểm chính thống. Theo logic ấy, vua Minh Mệnh khởi sự xây dựng và thành lập Quốc sử quán triều Nguyễn năm 1821. Sự kiện Quốc sử quán được thành lập không chỉ ghi nhận sự chuyên môn hóa trong việc sưu tầm - lưu giữ - thẩm định - biên soạn - ấn hành sử liệu mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập và định hướng diễn giải quá khứ theo quan điểm chính thống.

Có một điểm “giao cắt” đáng chú ý là: nhân vật sử quan được nhắc đến trong những bộ chính sử triều Nguyễn trùng lặp hoàn toàn (từ tên gọi, tiểu sử, thân thế, chức vị...) với nhân vật sử quan xuất hiện trong *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai: sử quan Phạm Đăng Hưng. *Đại Nam thực lục* có viết: “Năm Minh Mệnh thứ 1 (1820) xuống chiếu tìm sách vở còn sót, mở đặt Sử quán, sai quan vâng chép bộ *Liệt thánh thực lục*... Lại đặc biệt sai văn võ đại thần là bọn Nguyễn Văn Nhân, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng, sung chức tổng tài, soạn chép từng thời, theo năm ghi việc, tìm nhật sử cũ, mà ý nghĩa thể lệ đều định đoạt do thánh tâm” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr. 4-5). Trên phương diện văn học, trong *Từ Dụ thái hậu*, Phạm Đăng Hưng cũng là nhân vật sử quan được vua Minh Mạng chọn lựa: “Trẫm giao cho khanh làm Tổng tài Quốc sử quán, lo việc chép sử” (Trần, 2019b, tr.267). Như vậy, trên phương diện sử học, Phạm Đăng Hưng đại diện cho “điểm nhìn sử quan” để ghi lại sử liệu từ một quan điểm chính thống. Trên phương diện văn học, nhân vật Phạm Đăng Hưng lại là sự nghệ thuật hóa nhằm bồi đắp những khoảng trống trong sử liệu. Xem xét nhân vật lịch sử - văn học hoàng hậu Tổng Thị Lan giữa tâm điểm giao cắt này, nhiều vấn đề liên quan đến thân phận nữ giới trong lịch sử triều Nguyễn đã được hé mở.

Hai trong số những bộ sử do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn có ghi chép về hoàng hậu Tổng Thị Lan là bộ *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam liệt truyện*. Đây được coi là những bộ chính sử đồ sộ ghi chép về những sự kiện lịch sử Việt Nam ở thế kỷ XIX dưới sự trị vì của nhà Nguyễn. Trong những tư liệu lịch sử này, mặc dù dành nhiều số trang ghi chép về hoàng hậu nhưng những ghi chép này chủ yếu tập trung vào hai sự kiện lớn liên quan đến cuộc đời của bà: đó là những ghi chép về sự kiện sắc phong và sự kiện hoàng hậu mất.

Từ những ghi chép trong chính sử triều Nguyễn, hình tượng hoàng hậu Tổng Thị Lan và vua Gia Long được diễn giải như những mẫu hình chuẩn mực đạo đức mang tính thiên định. Sự kết duyên giữa hai người như thể “trời đất định ngôi, mặt trời mặt trăng hợp đức, cho nên tôn quý như nhau” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr.621). Bởi sự “tôn quý” ấy mà trong sách bảo Vua ban có ghi chép rằng: “Nghĩ đến Vương hậu Tổng thị, tiếng hay rộng khắp, thuần thực nét na, giữ việc trong nhà, bếp nước vui vẻ. Ngày trước bốn ba, trăm khó nhọc ở ngoài, hậu siêng năng ở trong, giúp nhau trong lúc gian nan, trải qua chỗ bằng chỗ hiểm. Cầu cúng hết kính, ngon ngọt thảo hiến, ơn cho con cháu, trạch đến quân nhung. Ôn nhu cung kiệm, để giúp đỡ trăm. Dịu

dàng vẻ ngọc, khuôn phép trong nhà; yêu điệu phong tư, giáo hóa cả nước. Sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên hạ, thật có giúp đỡ cho trăm” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr.621). Bởi vậy, Vua đã sai các quan “bung sách vàng ấn vàng tấn phong Vương hậu làm Hoàng hậu để tôn vị hiệu... Tấn phong Vương hậu làm hoàng hậu, để cho rạng vẻ sao Bắc thần soi sáng khắp sáu cung [...] để long trọng lễ nghi quý người đáng quý. Hằng giữ lâu đạo thánh nhân mới được, để tràn khắp đức hóa trình thuận hòa vui” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr.622).

Sự kiện phong Hậu vốn là sự kiện trọng đại trong cuộc đời Hoàng hậu nhưng diễn ngôn lịch sử lại chỉ ra rằng: Hoàng hậu đã bị gạt ra ngoài lề - tiếng nói của chủ thể đã bị lược bỏ. Bà không phải chủ thể phát ngôn, không “tự kê” về mình, thậm chí những “tiếng nói” của chủ thể đã bị triệt tiêu hoàn toàn. Bà trở thành đối tượng được nhìn - được định vị trong hệ thống diễn ngôn vương triều qua “điểm nhìn kép”: điểm nhìn sử quan và điểm nhìn của Vua. Hai điểm nhìn này luôn luôn tồn tại ở thể tương hợp - hai nhưng là một - cùng hướng đến xây dựng một hình tượng Hoàng hậu như mẫu hình “nội trị” theo quan điểm Nho giáo: “thuần thực nét na”, “ôn nhu cung kiệm”, “giữ việc trong nhà”, “siêng năng ở trong”, “giúp nhau lúc gian nan”, “ngon ngọt thảo hiền”, “giáo hóa cả nước”... Điều ấy khiến cho mối quan hệ giữa Vua và Hoàng hậu hiện ra không giống như mối quan hệ vợ chồng mà thực chất là một sự “liên minh” giữa đạo đức - chính trị, trong đó, phẩm hạnh của hậu cung được đo đếm qua “công, dung, ngôn, hạnh” đối với quốc gia. Thông qua sự kiện phong hậu này, diễn ngôn vương triều cũng kiến tạo hình ảnh vua Gia Long như một minh quân biết trọng đức - hợp lễ - trở thành mẫu mực cho đời sau học tập. Như vậy, từ diễn ngôn phong hậu, đích đến của lịch sử không dừng ở thông tin mà là định danh những chuẩn mực và kiến tạo những kí ức trong cộng đồng nhằm “giữ lâu đạo thánh nhân” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr.622) - tức là duy trì sự tồn tại bền lâu của vương triều.

Bên cạnh sự kiện phong hậu, *Đại Nam thực lục* cũng ghi chép về sự kiện hoàng hậu Tống thị băng như sau: “Tháng 2, ngày át mùi, hoàng hậu Tống thị băng, thọ 54 tuổi. Đặt quan tài ở điện Khôn Nguyên. Vua thương tiếc khôn nguôi, đội khăn đen mặc áo trắng, ngự ở nhà mật nghị, vời bày tôi dụ rằng: “Vua để tang hoàng hậu một năm là lễ rất chính. Trẫm ở trong cung để tang một năm. Còn từ hoàng tử trở xuống thì bàn định theo thứ bậc”. Hoàng tử mặc áo vén gấu chống gậy, để tang 1 năm, ngoài 1 năm dùng tâm tang, mặc áo trắng, 15 tháng thì làm lễ Đám; hoàng tôn mặc áo vén gấu, chống gậy để tang 1 năm, cha còn thì để tang 1 năm không có gậy; công chúa, trưởng công chúa, cung tần tả hữu, vợ lẽ của hoàng tử, hoàng tôn, và những người thân trong 5 bậc tang từ tang 9 tháng trở xuống, đều mặc áo vén gấu để tang 1 năm, bực đàn văn thì dùng khăn vải trắng và áo tràng vải trắng mà lạy theo; các quan văn võ từ tam phẩm trở lên thì mặc áo vén gấu để tang 1 năm, quan tứ lục phẩm trở lên thì mặc áo tang 9 tháng, cực phẩm trở lên thì để tang 5 tháng [...]. Đồ đạc đồ tía cùng âm nhạc hát xướng, quan tam phẩm trở lên cấm 1 năm, quan lục phẩm trở lên cấm 9 tháng... Đến như việc giá thú thì từ quan tam phẩm trở lên cấm 3 tháng, lục phẩm trở lên cấm 2 tháng... Ngày Canh tuất, lễ thành phục. Vua mặc áo vén gấu đến lạy hai lạy. Sai hoàng tử dâng cơm tế điện... Vua dụ rằng: “Hoàng tử từng làm con của hoàng hậu, đã có giấy từ, nên sai làm chủ tự... Vua bảo rằng: “Con theo mệnh cha tể mẹ là việc danh chính ngôn thuận, có gì mà không nên”. Bấy giờ việc bàn mới định... Ngày Quý sửu, dựng Thọ lăng ở Thụ Sơn... Vua cùng đại thân bàn muốn phỏng theo lễ hợp lăng... Vua đến xem đất ấy vượng khí chung đức, các núi quanh châu bày tôi đều cho là đất tốt vạn niên...bèn lấy quân dân để làm lăng” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr.800-803).

Rõ ràng, diễn ngôn lịch sử kể về sự kiện Hoàng hậu băng không theo hướng một biến cố sinh học (những thông tin liên quan đến tình hình bệnh, diễn biến bệnh, cảm xúc, di nguyện, phút lâm chung... đều bị lược bỏ) mà là một sự kiện nghi lễ - hành chính: mở đầu bằng một thông báo tang sự ngắn gọn về thời gian - tước vị - tuổi (“tháng 2... băng, thọ 54”), rồi lập tức đặt cái chết của Hoàng hậu vào không gian nghi lễ và quyền lực (đặt quan tài ở điện Khôn Nguyên), tiếp đó là chuỗi mệnh lệnh và quy phạm hóa cảm xúc qua lời dụ của vua (“để tang... là lễ rất chính”). Cảm xúc “thương tiếc khôn nguôi” trong tang lễ chỉ được nhắc đến một lần duy nhất rồi “chìm chìm”

giữa tầng tầng lớp lớp diễn ngôn nghi lễ - hành chính: liệt kê tỉ mỉ tang phục, thời hạn, thứ bậc đối với từng nhóm đối tượng (hoàng tử, hoàng tôn, công chúa, cung tần, quan văn võ...), đồng thời mở rộng thành cơ chế điều tiết xã hội bằng những cấm kỵ trong thời kì lễ tang (cấm đồ đồ tía, cấm âm nhạc, hạn chế giá thú)...

Căn cứ vào quy tắc tạo lập diễn ngôn, tang sự của Hoàng hậu có thể được luận giải như một sự kiện phát ngôn được sáng tạo dựa trên cơ chế vận hành của một mạng lưới quyền lực/ tri thức trong xã hội quân chủ. Trong các thang bậc quyền lực, người nắm giữ quyền phát ngôn hoàn toàn thuộc về nam giới và nấc thang bậc quyền lực tối cao chính là Vua. Là trung tâm quyền lực/ tri thức, Vua là chủ thể phát ngôn, là người đưa ra quy tắc, được sai khiến và ra lệnh. Vua có quyền quyết định những gì được nói và được nói như thế nào? Những sự kiện nào sẽ được diễn ra và diễn ra theo trật tự nào? Thậm chí, Vua còn có quyền quyết định điều gì là “đúng/ sai”, là “danh chính ngôn thuận”, ai được “làm chủ tự”/ ai không và tất cả việc hiếu - lễ phải được thực thi như thế nào cho đúng tôn ti trật tự. Tiếng nói của Vua đã át hoàn toàn các tiếng nói khác (những điều được ghi chép lại chủ yếu là lời nói của vua (“trẫm nghĩ”) hoặc những văn bản mà Vua ban hành như chiếu, biểu, dụ...). Ngay cả hệ giá trị của Hoàng hậu cũng do Vua định đoạt và quyết định. Bởi vậy, toàn bộ hệ thống diễn ngôn đã bị kiểm soát hoàn toàn từ “quyền lực một phía”. Phía còn lại – diễn ngôn của những người phụ nữ (kể cả đó là người có công lớn trong việc gây dựng vương triều như Hoàng hậu) cũng đều bị lược bỏ, “tẩy trắng”. Thậm chí, Hoàng hậu còn bị biến thành công cụ sản xuất chuẩn mực đạo đức hậu cung cũng như phương tiện để xây dựng, củng cố một hình mẫu nam giới mẫu mực... Ở bình diện này, tang sự Hoàng hậu trở thành một điểm nút diễn ngôn: biến mất mát cá nhân thành văn bản quy phạm về lễ trị, qua đó củng cố quyền lực/ tri thức của nhà nước quân chủ.

Trong những ghi chép liên quan đến tang sự của Hoàng hậu chỉ có một chi tiết duy nhất bộc lộ cảm xúc của Vua nhưng ngay lập tức chi tiết này được hợp thức hóa bằng “lễ” để trở thành chuẩn mực: “Vua thương tiếc khôn nguôi, đội khăn đen mặc áo trắng, ngự ở nhà mật nghị, vùi bầy tôi dụ...” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 1997, tr.800). Đặc biệt, chi tiết bàn đưng lẫm, chọn “đất vượng khí chung đức”, phỏng theo “lễ hợp lẫm” cho thấy diễn ngôn lịch sử còn kết nối tang sự với việc bảo lưu, duy trì trật tự cũng như tương lai tồn tại bền vững của triều đại. Như vậy, cái chết đã được chuyển thành biểu tượng lễ nghi đạo đức và tôn giáo (lẫm tẩm, phong thủy, vạn niên) nhằm nhấn mạnh tính bền vững của quyền lực hơn là tiếng nói nội tâm về người đã mất. Rõ ràng, trong cấu trúc diễn ngôn này, Hoàng hậu hiện diện chủ yếu như một đối tượng của nghi lễ, của lời dụ, còn chủ thể diễn giải - từ cảm xúc đến quyết định – đều thuộc về nhà vua và bộ máy triều đình. Điều ấy khiến diễn ngôn lịch sử trở thành diễn ngôn “tự sự tang lễ” đậm tính hành chính - đạo đức - chính trị hóa.

So với những ghi chép trong *Đại Nam thực lục*, những ghi chép về hoàng hậu Tống Thị Lan trong *Đại Nam liệt truyện* tuy đã giảm bớt tính chất lễ nghi nhưng vẫn hướng đến kiến tạo hình ảnh “Mẫu nghi thiên hạ” giữ trọn vai trò “nội tướng – tề gia”, được vương triều tôn kính và vua rất mực sùng ái. Trước sự kiện Hoàng hậu băng, “Vua thương tiếc không thôi. Dụ các quan rằng Hoàng đế để tang Hoàng hậu một năm, là phải lễ... Việc đưa đám ở Thụy lăng, xót thương hết lòng” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2006, tr.7), cho đúc “sách vàng, ấn vàng, tấn phong tên thụy là Giản Cung Tề Hiến Đức Chính Thuận Nguyên Hoàng hậu” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2006) để thể hiện sự long trọng, cung kính. Với quan điểm “lễ không gì lớn bằng tôn lấy danh hay; hiếu không gì trước hơn thuật lại đức tốt” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2006, tr.7), vua Minh Mệnh ngay khi đăng quang đã dâng thêm tôn thụy cho Hoàng hậu là Thừa Thiên Tá Thánh, Hậu Đức Từ Nhân Giản Cung Tề Hiếu Dục Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng hậu.

Đối sánh với diễn ngôn lịch sử trong quá khứ, diễn ngôn lịch sử ngày nay về hoàng hậu Tống Thị Lan cũng khá tương đồng. Những ghi chép về Hoàng hậu trong những sách chuyên khảo được xuất bản mới đây vẫn là sự kế thừa và tiếp nối những diễn ngôn lịch sử chính thống. Sách *54 vị hoàng hậu Việt Nam* cũng ghi chép rằng: “Bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu mất làm vua Gia Long

đau buồn vô cùng... Vua quyết định đem bà lên táng ở lăng Thiên Thụ, mộ phía bên phải, còn cái bên trái vua Gia Long giành cho mình” (T.V. Đăng & T.T. Đăng, 2019, tr.245). Sách *Các đời vua chúa nhà Nguyễn chín chúa, mười ba vua* (C.Q. Trần & Q.V. Trần, 2011) cũng có những ghi chép với nội dung tương tự.

Qua điển ngôn lịch sử xoay quanh sự kiện phong hậu và tang sự của Hoàng hậu, hình tượng Hoàng hậu được xây dựng như mẫu hình chuẩn mực đạo đức (“mẫu nghi thiên hạ” với công - dung - ngôn - hạnh trọn vẹn đủ đường) và trên cơ sở đó củng cố cho hình ảnh, vị thế của vua Gia Long - một hình mẫu quân vương mẫu mực (vừa “trọng đức” – “trọng danh” – “trọng tình” trọn vẹn). Mỗi quan hệ giữa Vua và Hoàng hậu cũng là mối quan hệ chuẩn mực – thậm chí được thiêng hóa. Như vậy, nhìn từ điển ngôn lịch sử, hoàng hậu Tống Thị Lan được ghi chép như một điển ngôn nghi lễ - đạo đức - chính trị nhằm chuẩn hóa kí ức lịch sử và củng cố tri thức vương triều hơn là điển ngôn về con người cá nhân. Hoàng hậu chỉ được nhìn từ cái nhìn của “kẻ khác” nên tất cả những yếu tố thuộc về đời tư, tiếng nói cá nhân đều bị loại trừ. Điển ngôn lịch sử về Hoàng hậu thực chất đã được “chuẩn hóa” thành một đối tượng đạo đức – nghi lễ: bà hiện lên như một mẫu hình hiền đức được vua Gia Long thương tiếc sâu nặng, được cử hành tang nghi trang trọng và cuối cùng - “khóa nghĩa” trong lịch sử bằng biểu tượng song táng.

3.2. Hoàng hậu Tống Thị Lan nhìn từ điển ngôn văn học

Trong bài viết *Văn xuôi các nhà văn nữ thế hệ sau 1975 nhìn từ điển ngôn giới*, Thái Phan Vàng Anh đã nhìn ra một lối viết riêng trong sáng tác của các nhà văn nữ: “Văn chương nữ trước hết là tiếng lòng, là khát khao của phụ nữ, là bất cứ chuyện gì liên quan đến họ, giúp họ trải nghiệm cuộc sống, khẳng định và giải phóng bản ngã. Văn xuôi nữ kể những câu chuyện về tình yêu, hôn nhân, gia đình... không phải cái cách lấy những đề tài gần gũi nhất của phụ nữ để kể, tả, bình luận từ “bên ngoài” như các nhà văn nam giới, mà kể về những cảm giác, những run rẩy hạnh phúc, đơn đau... chỉ của phụ nữ” (Thái, 2016b). Nhận định ấy góp phần đặt nền tảng cho cách thức tiếp cận riêng đối với sáng tác của nhà văn nữ: tiếp cận tác phẩm trong mối liên hệ giữa tác giả nữ - nhân vật nữ và các vấn đề giới tính được đề cập đến từ một điểm nhìn nữ giới. Điều này cũng được thể hiện rõ nét qua tự sự về hoàng hậu Tống Thị Lan trong *Từ Dụ thái hậu*.

Những trang viết về Hoàng hậu trong *Từ Dụ thái hậu* mặc dù không nhiều (chỉ vài trang và tập trung chủ yếu vào tang sự của Hoàng hậu) nhưng đó là những trang viết sống động như những thước phim quay chậm giúp người đọc hình dung về cuộc đời và thân phận của một bà Hoàng trong lịch sử triều Nguyễn. Thay vì đề hoàng quyền hay sự quan định danh tang sự như một nghi lễ đại sự, Trần Thùy Mai trao quyền chứng nhân cho những người hầu cận – những người luôn được Hoàng hậu yêu thương, bao bọc, che chở như con đẻ của mình. Trong mối quan hệ với Hoàng hậu, không phải nhà Vua hay con cháu của bà mà chính những người hầu thấp cổ bé họng lại là những người hiểu rõ nhất sự cô độc và kiệt quệ của Hoàng hậu trước khi tạ thế. Chính từ điểm nhìn này, những bí ẩn xoay quanh cuộc đời của nhân vật được hé mở.

Dưới góc nhìn của những người hầu cận, Hoàng hậu hiện ra không “ngôi cao cửu ngũ” với thực quyền làm chủ lực cung mà chỉ như một “bà hoàng tội nghiệp” bị tước đoạt sạch mọi thực quyền và bị chèn ép đến chết. Đó là nỗi đau của một người mẹ khi phải tự tay trao đi đứa con mới bốn tuổi của mình làm “vật tin” để giúp chồng gây dựng vương nghiệp; nỗi đau khi phải chứng kiến từng đứa con của mình trở thành tro bụi khi còn quá trẻ. Sự ra đi của thái tử Cảnh là một nỗi đau không thể chữa lành trong cuộc đời bà - nỗi đau như bị cắt đi từng khúc ruột. Ngày ấy – ngày thái tử Cảnh mất - là “một trong những ngày đen tối nhất trong cuộc đời bà hoàng tội nghiệp... Hoàng hậu suy sụp, hốc hác, nằm lịm trên giường, không còn nước mắt để khóc” (Trần, 2019b, tr.72).

Mất con, giữa chốn hậu cung đầy rẫy những mưu mô, thù đoạn, cái lệ “mẫu dĩ tử quý” (vị thế của người mẹ đều dựa vào địa vị của đứa con) khiến Hoàng hậu hiểu rằng: một khi Hoàng hậu không con thì thực quyền cũng chẳng còn. Cuộc đời của Hoàng hậu vì thế là sự tiếp nối đắng

đăng của những tháng ngày cô đơn sâu thẳm. Khi chốn nương dựa duy nhất của bà là những đứa con đều không còn, hoàng thượng - người mà bà đã đồng cam cộng khổ cùng gây dựng vương nghiệp - cũng không còn đoái hoài gì đến bà nữa. “Đã lâu lắm rồi, hoàng đế Gia Long không còn ngự qua đêm ở cung Khôn Thái nữa. Ngài chỉ đến thăm hoàng hậu một tháng đôi lần. Những bữa ăn chung giữa hai vợ chồng vương giả càng lúc càng ngăn lại” (Trần, 2019b, tr.17-18). Sau cái chết của hai đứa con, sự thờ ơ, hời hợt của chồng là nguyên nhân khiến bà mắc tâm bệnh: “bà thường bị mệt tim. Ngự y đã dâng thuốc rất nhiều nhưng vẫn không khỏi” (Trần, 2019b, tr.46).

Điều duy nhất níu giữ bà với cuộc sống nơi trần thế chính là “niềm vui được đón người chồng hoàng đế bên mâm cơm ngon ngọt, cạnh những đứa cháu thân thương, để cùng sống lại kí ức về đứa con trai đã mất” (Trần, 2019b, tr.54). Niềm vui nhỏ bé ấy như thấp lên ngọn lửa tin yêu trong cuộc đời bà. Hoàng hậu “bất giác mỉm cười hạnh phúc khi nhớ lại ngày hôm qua, lâu lắm rồi, bà mới thấy người chồng thương yêu của bà ngon miệng như thế, sáng khoái như thế” (Trần, 2019b, tr.18). Tuy nhiên, niềm vui nhỏ nhoi ấy của bà cuối cùng cũng bị tước đoạt một cách tàn nhẫn. Một khẩu dụ - chỉ bởi một khẩu dụ - khẩu dụ buộc Hạnh Thảo (người chuyên phụ trách việc nấu ăn cho Hoàng hậu) phải xuất cung. Khẩu dụ được ban ra như “đòn chí mạng” tước đoạt hoàn toàn cơ hội bám víu sự sống của bà. Khẩu dụ ấy làm cạn kiệt những hi vọng tin yêu còn sót lại trong cuộc đời bà. Khẩu dụ vừa ban, ngay lập tức nó khiến bệnh mệt tim dai dẳng bấy lâu của Hoàng hậu trở nặng đột ngột. Hoàng hậu rơi vào thế bị cô lập, tê liệt hoàn toàn. Hoàng hậu “làm sao dám trái lời” (Trần, 2019b, tr.54). Chọn người kể chuyện ngôi thứ ba và trao điểm nhìn cho nhân vật, Trần Thùy Mai đã để mọi tâm tư của Hoàng hậu được nhìn qua góc nhìn của Hạnh Thảo: “Hạnh Thảo biết mình ra đi là đem theo niềm vui nhỏ nhoi của bà hoàng tội nghiệp” (Trần, 2019b, tr.54). Thân là Quốc mẫu nhưng ngay cả quyền giữ một kẻ hầu người hạ bên mình bà cũng không có.

Ngày Hạnh Thảo xuất cung cũng là ngày bệnh của Hoàng hậu trở nặng đột ngột. “Năm nghiêng trên gối, hoàng hậu để dòng nước mắt rơi lã lã... Bà biết, trong cung điện bầy, bà chỉ còn là Chánh cung trên danh nghĩa thôi. Thực quyền đã hoàn toàn sang tay người khác” (Trần, 2019b, tr.61). Hà Nhi - người chứng kiến tất cả giờ phút cuối của Hoàng hậu (“dòng nước mắt rơi lã lã... chóng mặt hoa mắt, thở rất khó nhọc... lão đảo... quỳ xuống... sụm ngã, môi tím lại... đôi mắt mở to, hai tay quờ quạng... ngã vật ra, lịm dần... ngừng thở” (Trần, 2019b, tr.61-62). Hà Nhi - “ống kính” duy nhất xác nhận một nghịch lí: “đêm qua bà đã ra đi trong cô đơn” (Trần, 2019b, tr.64).

Dưới góc nhìn của Hà Nhi, điện Hoàng Nhân (nơi thờ thoi vàng tín vật của Hoàng thượng và Hoàng hậu - một biểu tượng rực rỡ, lấp lánh, trang nghiêm - một minh chứng cho tình nghĩa phu thê thiêng liêng và trọn vẹn của Hoàng đế) đã bị “đào nghĩa” mạnh mẽ: nó không còn là không gian tôn thờ tình yêu mà trở thành “sân khấu” của một cái chết “lấp lánh ánh đèn” nhưng trống vắng người tri kỉ. Khoảnh khắc cuối cùng trong cuộc đời Hoàng hậu diễn ra ở một nơi không chồng, không con, không người thân ruột thịt, chỉ có duy nhất một người hầu bên cạnh. Cùng một thời điểm nhưng không gian ấy được miêu tả trong thế đối nghịch hoàn toàn với cung Tần Trang - cung của Tam phi Ngọc Bình - nơi mà một tháng có đến hơn hai mươi đêm Vua ngự ở đó trong “cảm giác hứng thú vô bờ bến” (Trần, 2019b, tr.59). Sự tương phản giữa hai không gian ấy đã làm bật bi kịch trong cuộc đời của một hoàng hậu không chỉ không con mà còn bị thất sủng. Đó là sự tương phản đến phủ phàng giữa “tín vật thủy chung” với một thực tế bị lãng quên, bị ruồng bỏ, bị tước đoạt mọi thực quyền. Dưới góc nhìn của Hà Nhi, chân dung Hoàng hậu không phải “mẫu nghi thiên hạ” giữa cung điện uy nghiêm tráng lệ mà là một “bà hoàng tội nghiệp” (Trần, 2019b, tr.54).

Điểm nhìn của Hà Nhi không chỉ phơi bày thân phận của Hoàng hậu mà còn phơi bày cơ chế “im lặng hóa” chốn cung đình. Chỉ Hà Nhi biết Hoàng hậu “nhất định không cho người hầu báo lên hoàng đế” (Trần, 2019b, tr.61). Tại sao Hoàng hậu lại lựa chọn sự “câm lặng tuyệt đối” này? Phải chăng “tiếng nói” của Hoàng hậu - thứ đại diện cho quyền lực - đã thật sự bị “loại trừ”? Phải chăng Hoàng hậu lựa chọn cái chết hơn là tiếp tục chữa trị để rồi sống tiếp những ngày tháng đàng

nước mắt ấy? Lựa chọn cảm lạnh khắc sâu nỗi tuyệt vọng của Hoàng hậu khi không chỉ không con, bị thất sủng mà còn bị tước đoạt mọi thực quyền. Có lẽ, quyền cuối cùng của Hoàng hậu lúc lâm chung là được gọi chồng trở về cũng bị thay bằng sự cam chịu tuyệt đối. Cái chết vì thế là sự kết thúc theo quy luật tự nhiên hay mang dáng dấp của một kết cục do cấu trúc quyền lực sắp đặt?

Trong một xã hội có quyền tự do dân chủ phát triển, diễn ngôn văn học là hình thức diễn ngôn đặc biệt – hình thức diễn ngôn mà ở đó quyền lực sáng tạo nằm trong tay nhà văn. Điều ấy được thể hiện ở việc nhà văn có quyền lựa chọn sáng tạo trên nhiều phương diện: viết về cái gì? chiến thuật trần thuật ra sao? lựa chọn người kể như thế nào? từ điểm nhìn nào?... Với *Từ Dụ thái hậu*, việc lựa chọn đề hoàng hậu Tống Thị Lan hiện ra qua điểm nhìn của những cung nữ hầu cận đã tạo ra hệ thống phức hợp điểm nhìn mang đậm bản sắc giới: chủ thể nhà văn nữ - nhân vật trung tâm nữ giới - điểm nhìn nữ giới. Hệ thống điểm nhìn phức hợp này không chỉ thể hiện mối bận tâm, sự trăn trở và ý thức trách nhiệm của một nhà văn nữ đương đại đối với quá khứ và lịch sử đã qua trong việc đi sâu khám phá thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến mà còn kiên tạo góc nhìn bên trong với những rung chấn cảm xúc, những kinh nghiệm giới, những vấn đề liên quan đến thân thể, xúc cảm, tổn thương... mang đậm bản sắc giới. Nhờ đó, ở một góc độ nhất định, diễn ngôn văn học không chỉ bổ khuyết những gì “bị làm mờ”, “bị che khuất” trong lịch sử mà còn kiến tạo, “làm đầy”, khiến cho “phiên bản kí ức” về nhân vật vốn đã bị đóng khung trong diễn ngôn lịch sử có dịp được tái định giá nhằm đưa đến những khám phá mới về cuộc đời và thân phận nữ nhân trong lịch sử.

Như vậy, diễn ngôn văn học về hoàng hậu Tống Thị Lan trong *Từ Dụ thái hậu* được diễn giải như một bi kịch thân phận hơn là một đại sự nghi lễ. Nếu chính sử triều Nguyễn có xu hướng hợp thức hoá những ghi chép về Hoàng hậu bằng hệ thống ngôn ngữ nghi lễ - đạo đức và xây dựng mô hình mẫu nghi kiêu mẫu thì Trần Thùy Mai lại chuyển quyền chứng kiến sang những kẻ hầu cận để viết tiếp những trang viết thắm thía về sự cô độc, kiệt quệ, bất hạnh của nhân vật giữa một thế chế quân chủ độc quyền. Nhờ vậy, diễn ngôn văn học không phủ nhận những biến cố trong cuộc đời nhân vật (đặc biệt là cái chết) như quy luật tự nhiên, mà đi sâu bóc tách khả năng can thiệp của hệ thống quyền lực vào điều kiện sống/ chết của một phụ nữ hoàng gia. Bởi vậy, biến cố trong cuộc đời nhân vật đã trở thành nút thắt nơi sự thật cảm xúc và sự thật chính trị va đập, làm lộ ra “phần bồi đắp” của diễn ngôn văn học nhằm làm đầy cho những khuyết thiếu về lịch sử tâm hồn con người trong diễn ngôn lịch sử.

4. Kết luận

Nghiên cứu vận dụng lí thuyết diễn ngôn của Michel Foucault để xem xét hình tượng Hoàng hậu Tống Thị Lan trong sự đối sánh giữa diễn ngôn lịch sử và diễn ngôn văn học (qua tiểu thuyết lịch sử *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai). Bằng việc khảo sát những ghi chép về Hoàng hậu trong các bộ chính sử triều Nguyễn, nghiên cứu đã chỉ ra rằng: trong diễn ngôn lịch sử, cơ chế quyền lực/tri thức của xã hội quân chủ đã hợp thức hóa tri thức về nữ giới trong không gian quyền lực cung đình theo chuẩn mực Nho giáo và nghi lễ nhằm hợp thức hóa vương quyền, làm suy giảm/triệt tiêu tư cách chủ thể phát ngôn của giới nữ. Ngược lại, trong bối cảnh xã hội dân chủ, diễn ngôn văn học lại tái phân phối quyền phát ngôn, từ đó định vị, khôi phục và đưa đến những tri thức mới về những người phụ nữ hoàng tộc trên cơ sở bồi đắp, làm đầy những phần mờ tối, khuất lấp trong lịch sử. Nghiên cứu cũng góp phần khẳng định giá trị liên ngành sử - văn và gợi mở hướng đọc lại lịch sử như không gian tranh chấp diễn ngôn, góp phần làm sâu sắc nghiên cứu văn học lịch sử và nghiên cứu giới ở Việt Nam.

Ghi chú về tác giả: TS Vũ Thị Hạnh và TS Bùi Linh Huệ là giảng viên chính tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam. ThS Phạm Thị Vân Huyền là giảng viên tại Viện Báo chí – Truyền thông và Khoa học liên ngành, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam. Tác giả 1 xây dựng ý tưởng, phương pháp, viết bản thảo; Tác giả 2 và 3 tìm kiếm tư liệu và phân tích dữ liệu.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ một phần kinh phí bởi Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên trong đề tài mã số CS2024-TN06-19 do TS. Vũ Thị Hạnh làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- AbdullaAlmaarroof, A. R., Hamid, L. N., & Abdullah, E. R. (2022). Applying Michel Foucault's power theory in Shakespeare's King Lear. *International Journal of Health Sciences*, 1790–1796. <https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS5.9876>
- Anne, B.R. (2014). *Making sense of euthanasia: A Foucauldian discourse analysis of death and dying* [Doctoral dissertation in philosophy]. Massey University.
- Antzus, R.I. (2024). Biopolitics in “The Brief and Frightening Reign of Phil”, by George Saunders. *Journal of English Studies*, 22, 3–28. <https://doi.org/10.18172/jes.5619>
- Apriyani, T., & Rosly, N. J. Bt. (2024). Power relations in the novel *My Name is Alam* by Leila S. Chudori. *Journal of Linguistics, Literature, and Culture*, 6(1), 128–136. <https://doi.org/10.12928/notion.v6i1.10184>
- Đặng, V.T, & Đặng, T.T. (2019). *54 vị hoàng hậu Việt Nam*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- Gary, G. (2017). *Dẫn luận về Foucault*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- Huỳnh, T.D. (2025). Phản đề truyền thống trong Kim sí điều (garuda) của Yi Mun-yol nhìn từ góc độ diễn ngôn trần thuật. *Journal of Science Social Science*, 23–30. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2024-0045>
- Ismael, H., & Saleh, H. (2023). The discursive strategies of power and female resistance in margret atwood's the handmaid's tale: A foucauldian reading. *Humanities Journal of University of Zakho*, 11(3), 555–561. <https://doi.org/10.26436/hjuoz.2023.11.3.1096>
- Khalaf, S. H., & M. Saeed, R. A. (2023). A foucaultian reading of resistance in chinua achebe's novel "things fall apart". *Journal of language studies*, 7(2), 306–321. <https://doi.org/10.25130/lang.7.2.15>
- Lê, T. G. (2023). Diễn ngôn lịch sử trong tiểu thuyết của Hoàng Quốc Hải. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn hiến*, 9(4), 46–57. <https://doi.org/10.58810/vhujs.9.4.2023.700>
- Michel, F. (2024a). *Giám sát và trừng phạt – nguồn gốc nhà tù*. NXB Tri thức, Hà Nội.
- Michel F.. (2024b). *Lịch sử tính dục*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, T.H. (2018). *Diễn ngôn về giới nữ trong văn xuôi nữ việt Nam đương đại (khảo sát sáng tác của Dạ Ngân, Y Ban, Lý Lan, Nguyễn Thị Thu Huệ)*. [Luận văn]. Học viện Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, T.V.A. (2017). *Diễn ngôn về giới nữ trong văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam* [Luận án]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm, X.T. (2025). Rồi cuối cùng Foucault cũng đến! *Tạp chí Khoa học Liên ngành và Nghệ thuật*, 1(3), 135–138. <https://doi.org/10.64711/1tqg8428>
- Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. (1997). *Đại Nam thực lục (Tập 1)*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam liệt truyện (tập 2)*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- Raoufzadeh, N., Basirizadeh, F. S., & Birgani, S. Z. (2020). A Foucauldian Reading: Power in Awakening by Kate Chopin. Budapest International Research and Critics Institute (BIRCI-Journal): *Humanities and Social Sciences*, 3(1), 159–166. <https://doi.org/10.33258/birci.v3i1.731>
- Sara, M. (2021). *Michel Foucault*. NXB Dân trí, Hà Nội.

- Thái, P.V.A. (2016a). *Lịch sử từ điểm nhìn nữ giới*. <https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/Nghien-cuu-trao-doi/2484/LICH-SU-TU-DIEM-NHIN-NU-GIOI>
- Thái, P.V.A. (2016b). *Văn xuôi thế hệ các nhà văn nữ sau 1975 - Nhìn từ diễn ngôn giới*. <http://huc.edu.vn/van-xuoi-cac-nha-van-nu-the-he-sau-1975-nhin-tu-dien-ngon-gioi-124-vi.htm>
- Trần, Q.C. & Trần, V.Q. (2011). *Các đời vua chúa nhà Nguyễn chín chúa, mười ba vua*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- Trần, T.M. (2019a). *Từ Dụ thái hậu (Quyển hạ)*. NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- Trần, T.M. (2019b). *Từ Dụ thái hậu (Quyển thượng)*. NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- Trần, V. T. (2024). *Văn học như một diễn ngôn—Lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Universitas Islam Lamongan, Widyaiswara, T., Affandy, A. N., & Universitas Muhammadiyah Surabaya3. (2022). Discourse analysis in sequence novels by Leila S. Chudori (2012, 2017). *Journal of Applied Studies in Language*, 6(1), 100–107. <https://doi.org/10.31940/jasl.v6i1.347>
- Vũ, T.H. (2025). Diễn ngôn về giới nữ trong tiểu thuyết lịch sử Từ Dụ thái hậu của Trần Thuỳ Mai. *Journal of Science Social Science*, 35–42. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2025-0004>
- Yasif, A.F, & Md. Mijanur Rahman. (2021). Impact of Foucauldian Discourse on Feminism and Postcolonial Studies. *British Journal of Arts and Humanities*, 1–10. <https://doi.org/10.34104/bjah.021010wf10>